TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-02-2023
V/v: "*Tranh chấp ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Bạch Tuyết
Ông Phạm Văn Huynh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành***: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 746/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/01/2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1980
Địa chỉ: tổ 9, ấp 9, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn N1, sinh năm 1973
Địa chỉ: tổ 9, ấp 9, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Võ Văn N1 tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2011; đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 10/5/2016.

Trong quá trình chung sống chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hạnh phúc. Chúng tôi đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ khi phát sinh mâu thuẫn tôi và ông N1 thời gian đầu vẫn sống chung nhà, nhưng tôi và ông N1 không quan tâm đến nhau. Hiện nay chúng tôi đã ly thân, tôi đã về nhà bố mẹ đẻ ở, không sống chung với ông N1 nữa.

Nay tôi nhận thấy tình trạng hôn nhân lâm vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, hiện chúng tôi đã sống ly thân. Tôi đã không còn tình cảm với ông N1, nên tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi ly hôn với ông Võ Văn N1.

Về con chung: Tôi và ông N1 có 01 con chung là Võ Thiện N2 - sinh ngày 10/5/2016. Ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Võ Văn N1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông N1 đều vắng mặt nên không có lời khai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Võ Văn N1.

+ Về con chung: Giao con chung Võ Thiện N2 - sinh ngày 10/5/2016 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời ông Võ Văn N1 không phải cấp dưỡng nuôi con..

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Võ Văn N1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông N1.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Văn N1 tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 10/5/2016. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014, xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Võ Văn N1 là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và ông N1 là trầm trọng, xảy ra rất nhiều mâu thuẫn trong hôn nhân. Bà N xác định không còn tình cảm với ông N1 và yêu cầu xin ly hôn với ông N1.

Tòa án đã xác minh tại địa phương (xã B, huyện Long Thành) về tình trạng hôn nhân của Nhung và ông N1, kết quả như sau: Về mâu thuẫn vợ chồng bà N, ông N1 thì địa phương không rõ. Tuy nhiên, từ tháng 12/2022 bà N có sang nhà bố mẹ đẻ sống, không sống với ông N1 nữa.

Bị đơn ông Võ Văn N1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông N1 đều vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông N1 không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà N nữa, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do ông N1 không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông N1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc xin ly hôn với ông Võ Văn N1.

[3.2] Về con chung: Bà N và ông N1 có 01 con chung là Võ Thiện N2 - sinh ngày 10/5/2016. Theo lời khai của bà N và xác nhận của chính quyền địa phương thì hiện nay bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Ông Võ Văn N1 không đến Tòa án tham gia tố tụng; không có ý kiến, yêu cầu gì về con chung, từ đó cho thấy ông N1 không có thiện chí hòa giải về vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không có nguyện vọng nuôi con chung. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy tiếp tục giao con chung cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung: Bà N xác định không có tài sản chung. Mặt khác do chưa có lời khai của ông Võ Văn N1, nên không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà N xác định không có nợ chung. Mặt khác do chưa có lời khai của ông Võ Văn N1, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 8, 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Võ Văn N1.

2. Về con chung: Giao con chung Võ Thiện N2 - sinh ngày 10/5/2016 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Võ Văn N1 có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tạm thời ông Võ Văn N1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà N đã nộp, theo Biên lai thu số 0006184 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí bà N phải chịu. Bà N đã nộp xong.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Lý Thị Bạch Tuyết	**Phạm Văn Huynh**	**Phạm Ngọc Quyền**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã Phước Bình;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền